

gtz

Deutsche Gesellschaft für
Technische Zusammenarbeit (GTZ) GmbH

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA NUÔI NHỐT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VÀ NUÔI TRỒNG LAN TẠI KHU VỰC VƯỜN QUỐC GIA TAM ĐẢO

Với
VĂN PHÒNG GTZ VIỆT NAM
Hà Nội, Việt Nam

Và
CỤC KIỂM LÂM (FPD)
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (MARD)
Hà Nội, Việt Nam

Tháng 11 năm 2004

Dự án Quản lý Vườn Quốc Gia Tam Đảo và Vùng Đệm
Vườn Quốc Gia Tam Đảo, Km 13, Xã Hồ Sơn, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc
Tel: +84 211 853011 E-mail: gtz-tdmp@hn.vnn.vn

Quản lý Chương trình: Inge Pohl - Văn Phòng GTZ Hà Nội

Cố vấn trưởng: Herbert Christ - Dự án Quản lý Vườn Quốc Gia Tam Đảo và Vùng Đệm (TDMP)

Cố vấn kỹ thuật: TS. Andreu Grieser Jöhn - Công Ty FRR Khu vực Châu á Thái Bình Dương

Điều phối dự án: TS Nguyễn Xuân Đăng - Viện Sinh Thái và Tài Nguyên Sinh Vật, Hà Nội

Thực hiện:
TS. Nguyễn Xuân Đăng - Viện Sinh Thái và Tài Nguyên Sinh Vật, Hà Nội
TS. Nguyễn Văn Sáng - Viện Sinh Thái và Tài Nguyên Sinh Vật, Hà Nội
TS. Nguyễn Tiến Hiệp - Viện Sinh Thái và Tài Nguyên Sinh Vật, Hà Nội
KS. Phạm Văn Thố - Viện Sinh Thái và Tài Nguyên Sinh Vật, Hà Nội
KS. Trần Việt Khoa - Vườn Quốc Gia Tam Đảo
KS. Đặng Văn Thuận - Vườn Quốc Gia Tam Đảo

MỤC LỤC

Báo cáo tóm tắt	3
1. Giới thiệu	5
2. Phương pháp điều tra	6
3. Kết quả	6
3.1. Thống kê các điểm nuôi nhốt động vật hoang dã	6
3.2. Các loài động vật hoang dã bị nuôi nhốt	10
3.3. Một số nhận xét liên quan đến nuôi nhốt động vật hoang dã	12
3.4. Thống kê các điểm nuôi trồng lan	14
3.5. Các loài lan bị nuôi trồng	14
3.6. Một số nhận xét liên quan đến nuôi trồng lan	17
4. Kiến nghị các giải pháp kiểm soát	19
4.1. Kiểm soát nuôi nhốt động vật hoang dã	19
4.2. Kiểm soát nuôi trồng lan	21
Tài liệu tham khảo	22
Phụ lục 1: Danh sách các cán bộ kiểm lâm được tham vấn về phương pháp kiểm soát nuôi nhốt động vật hoang dã và nuôi trồng lan tại khu vực VQG Tam Đảo	23
Phụ lục 2: Một số hình ảnh minh họa	24

Báo cáo tóm tắt

Điều tra về các động vật hoang dã bị nuôi nhốt và các vườn lan được tiến hành tại Thị trấn Tam Đảo các huyện nằm ở vùng đệm VQG Tam Đảo. Trong quá trình điều tra, đã tiến hành thống kê các loài động vật hoang dã bị nuôi nhốt ở 23 hộ gia đình và cơ sở và thống kê các loài lan nuôi trồng tại 15 hộ gia đình và cơ sở. Nơi nuôi giữ động vật hoang dã nhiều nhất trong vùng là Công viên Cá sấu ở khu du lịch Núi Cốc, nơi có sưu tập lan nuôi trồng lớn nhất là “Cung đệ nhất phong lan” và “Trại lan” ở Thị trấn Tam Đảo.

Tổng số đã ghi nhận được 38 loài động vật hoang dã bị bắt nuôi nhốt, bao gồm 11 loài Thú, 20 loài Chim và 7 loài Bò sát. Hầu hết các động vật này đều bị bắt ở khu vực Tam Đảo. Trong số 38 loài động vật hoang dã bị nuôi nhốt này có 18 loài có ý đang được ưu tiên bảo tồn, gồm 8 loài bị đe dọa cấp quốc gia, 8 loài bị đe dọa cấp toàn cầu và 16 loài có tên trong Nghị định số 48/2002/NĐCP (2002) của Chính Phủ.

Có 54 loài lan được nuôi trồng tại các vườn lan trong khu vực khảo sát. Trong đó, 28 loài có nguồn gốc từ VQG Tam Đảo và 25 loài được mua từ nơi khác về. Có 11 loài thuộc giống Lan Hải (*Paphiopedilum*) thuộc nhóm IA của Nghị định 48/2002/NĐCP (nghiêm cấm khai thác, sử dụng), 6 loài bị đe dọa cấp quốc gia và 22 loài bị đe dọa cấp toàn cầu.

Thu nhập từ nhân nuôi và bán các loài động vật hoang dã và lan không chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu nhập của các hộ. Việc nuôi động vật hoang dã và trồng lan trong khu vực chủ yếu vì mục đích thương mại, trái phép và còn ở qui mô nhỏ. Việc nghiêm cấm nhân nuôi động vật hoang dã và trồng lan sẽ không ảnh hưởng đáng kể đến đời sống của người nghèo trong khu vực khảo sát.

Nhu cầu thị trường về các động vật hoang dã và lan cao và có chiều hướng gia tăng do sự gia tăng của lượng khách du lịch đến khu vực Tam Đảo và Núi Cốc. Điều này có thể sẽ dẫn đến gia tăng tình trạng nuôi nhốt động vật hoang dã và gây trồng lan trong tương lai gần.

Nhận thực của các chủ nuôi động vật hoang dã và gây trồng lan trong khu vực nghiên cứu về các luật pháp quốc gia về bảo tồn đa dạng sinh học còn rất thấp; lực lượng kiểm lâm còn chưa chú trọng và áp dụng các biện pháp kiên quyết để kiểm soát tình trạng nuôi động vật hoang dã và gây trồng lan trái phép trong vùng.

Một số biện pháp chính để kiểm soát tình trạng nuôi động vật hoang dã và gây trồng lan trái phép trong vùng được đề xuất gồm:

- Nuôi gấu lấy mật: Chi cục kiểm lâm các tỉnh cần tiến hành kiểm kê tất cả các hộ gia đình nuôi gấu trong khu vực, đánh dấu gấu và triển khai qui chế kiểm tra thường xuyên. Yêu cầu các chủ nuôi kí cam kết không tăng thêm số lượng gấu nuôi và cải tạo điều kiện nuôi chu phù hợp hơn. Có thể cho phép các chủ nuôi hút mật gấu với số lượng hạn chế, khoảng 2 lần một năm, mỗi lần khoảng 50CC để chi trả cho việc nuôi dưỡng gấu.
- Các loài động vật khác: Các hạt kiểm lâm địa phương cần tiến hành kiểm kê tất cả các hộ gia đình/cơ sở nuôi động vật hoang dã trong vùng. Yêu cầu các hộ/cơ sở nuôi thương mại phải đăng kí với chính quyền địa phương và Chi cục kiểm lâm địa phương về hoạt động nuôi động vật hoang dã không có nguồn gốc săn bắt từ thiên nhiên. Tất cả các động vật có nguồn gốc từ thiên nhiên và các loài bị đe dọa cần tịch thu và chuyển về Trung tâm cứu hộ động vật Sóc Sơn để tiếp tục nuôi dưỡng hoặc xử lý thích hợp. Các loài khác có thể để lại cho các chủ tiếp

tục nuôi. Những hộ này phải ký cam kết không buôn bán, và tăng số lượng động vật của mình từ nguồn săn bắt trong thiên nhiên. Việc nuôi giữ các loài động vật thuộc nhóm IB của Nghị định 48/2002/NĐCP cần cấm tuyệt đối.

- Hạt kiểm lâm VQG Tam Đảo cần phối hợp với các Hạt kiểm lâm huyện Tam Đảo, Đại Từ, Núi Cốc tiến hành kiểm kê chính thức các vườn lan có trong khu vực. Thiết lập hệ thống giám sát việc nuôi trồng lan. Có 2 phương án xử lý các dò lan có nguồn gốc tự nhiên đang được nuôi trồng trái phép trong các vườn lan như sau: 1) Yêu cầu các chủ nuôi tiếp tục nuôi trồng các dò lan này nhưng không được bán hoặc chuyển cho cơ sở khác; hoặc 2) Tịch thu tất cả và chuyển cho cơ sở nghiên cứu để nghiên cứu nhân giống chúng, Có thể chuyển cho “Trại lan” của Viện Di Truyền Nông Nghiệp hoặc thành lập trạm cứu hộ lan của VQG Tam Đảo.
- Yêu cầu tất cả các hộ nuôi trồng lan đăng kí với chính quyền địa phương và các Chi cục kiểm lâm địa phương và ký cam kết không nuôi trồng các loài lan khai thác từ thiên nhiên và phải có đủ điều kiện tối thiểu (vườn, giá thể, tưới tiêu,...) để đảm bảo lan nuôi trồng có chất lượng tốt.
- Việc gây trồng lan có nguồn gốc nhân tạo có thể mang lại nguồn thu nhập cho các hộ gia đình địa phương. Tuy nhiên, cần phải có cơ sở nhân giống lan nhân tạo để cung cấp cho các hộ gia đình. Cần xây dựng cam kết với các cơ sở nuôi trồng lan của Nhà nước để cung cấp giống lan cho nhân dân. Thành lập “Hội bảo tồn lan Tam Đảo” để thúc đẩy các hoạt động giám sát nuôi trồng và bảo tồn lan trong khu vực.

1. GIỚI THIỆU

VQG Tam Đảo là điểm du lịch nổi tiếng của Việt Nam. Nhu cầu về sản phẩm từ động vật hoang dã (làm thức ăn đặc sản, làm thuốc truyền thống, làm cảnh) và thực vật (đặc biệt các loài lan) ngày một tăng. Để đáp ứng nhu cầu này, nhiều hộ gia đình ở khu vực VQG Tam Đảo đã nuôi nhốt các loài động vật hoang dã và nuôi trồng các loài lan trong vườn (Nguyen Quang Truong et al. 2004). Các loài động vật và các loài lan này phần lớn đều bị khai thác trộm từ VQG Tam Đảo và vùng lân cận, gây nên các tác động tiêu cực đáng kể đến công tác bảo tồn đa dạng sinh học ở VQG Tam Đảo.

Luật pháp Việt Nam đã có những quy chế nghiêm ngặt về bảo vệ các loài động vật hoang dã và thực vật hoang dã:

- Nghiêm cấm mọi hành vi phá rừng, đốt rừng; lấn, chiếm rừng, đất trồng rừng; khai thác mua bán, vận chuyển lâm sản, săn bắt động vật rừng, chăn thả gia súc vào rừng trái qui định của luật pháp (Điều 20, Luật bảo vệ và phát triển rừng).
- Nghị định 18/HĐBT, ngày 17/1/1992 của Hội Đồng Bộ Trưởng (nay là Chính Phủ) và Nghị định 48/2002/NĐCP, ngày 22/4/2002 của Chính Phủ đã qui định danh mục các loài động vật rừng, thực vật rừng qui, hiếm và biện pháp quản lý, bảo vệ. Theo các nghị định này, Nhà nước nghiêm cấm khai thác, sử dụng các loài thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm thuộc nhóm I; hạn chế khai thác, sử dụng các loài thuộc nhóm II (Điều 3); việc khai các loài động vật hoang dã thuộc nhóm IIB chỉ có thể trong các trường hợp rất cần thiết như để gây nuôi, nghiên cứu khoa học, trao đổi quốc tế về giống,... và phải được sự cho phép của Bộ trưởng Bộ Lâm Nghiệp (nay là Bộ NN và PTNT) (Điều 8c).
- Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ và bảo đảm quyền lợi cho các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ, phát triển nguồn lợi thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm (Điều 4, Nghị định 18/HĐBT).
- Nhà nước Khuyến khích tổ chức, cá nhân gây nuôi phát triển các loài động vật hoang dã, bao gồm cả động vật quý hiếm để kinh doanh, xuất khẩu và phải thực hiện đúng qui định của Nghị định 18/HĐBT ngày 17/1/1992 và các qui định hiện hành, đúng công ước CITES (Chỉ thị số 359-TTg ngày 29/5/1996 của Thủ tướng chính phủ về những biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển các loài động vật hoang dã).
- Nghị định 11/2002/NĐCP, ngày 22/1/2002 của Chính Phủ về Quản lý hoạt động xuất, nhập khẩu và quá cảnh các loài động vật, thực vật hoang dã qui định: Trại nuôi sinh sản hoặc cơ sở trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật được qui định trong phụ lục I của Công ước CITES phải đăng ký với cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam (Điều 6); Trại nuôi sinh sản và cơ sở trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật qui định trong phụ lục II, III của Công ước CITES phải đăng ký với cơ quan kiểm lâm cấp tỉnh được cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam uỷ quyền (Điều 7).

Mục đích của dự án này là giúp VQG Tam Đảo và các chi cục kiểm lâm địa phương kiểm soát có hiệu quả tình trạng nuôi nhốt động vật hoang dã và gây trồng các vườn lan trong khu vực VQG Tam Đảo. Các mục tiêu cụ thể của Dự án bao gồm:

- Thống kê các hộ gia đình và cơ sở đang nuôi nhốt động vật hoang dã và nuôi trồng lan trong khu vực VQG Tam Đảo và vùng đệm.

- Xác định loài và số lượng cá thể và nguồn gốc của các động vật bị nuôi nhốt và lan đang nuôi trồng.
- Xác định mục đích nuôi động vật và trồng lan của các hộ.
- Xác định tầm quan trọng của thu nhập từ nuôi kinh doanh động vật và gây trồng lan kinh doanh đối với tổng thu nhập của các hộ nuôi.
- Xác định nhu cầu thị trường về nuôi động vật hoang dã và trồng lan.
- Đánh giá mức độ nhận thức của các hộ nuôi về các luật pháp quốc gia liên quan đến bảo tồn động vật và thực vật hoang dã.
- Xây dựng các biện pháp kiểm soát quản lý các hộ nuôi động vật hoang dã và nuôi trồng lan.

Các cán bộ thực hiện Dự án này xin chân thành cảm ơn Ban Quản Lý Dự án Quản lý VQG Tam Đảo, đặc biệt là ông Hebert Chris và ông Adrew G. John đã cấp kinh phí và hướng dẫn thực hiện dự án này; Ban Quản Lý VQG Tam Đảo, đặc biệt là ông giám đốc □Tiến, Các chi cục kiểm lâm các tỉnh Vĩnh Phúc, Thái Nguyên và Tuyên Quang, các Hạt kiểm lâm Tam Đảo, Đại Từ, Núi Cốc và Sơn Dương đã ủng hộ và tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho chúng tôi thực hiện Dự án này; Ban lãnh đạo Viện Sinh Thái và Tài Nguyên Sinh Vật và Hạt Kiểm Lâm VQG Tam Đảo đã cho phép chúng tôi được tham gia thực hiện dự án này.

2. PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

Khảo sát hiện trường được tiến hành từ ngày 11 đến ngày 18 tháng 10 năm 2004 tại 4 huyện thuộc địa bàn VQG Tam Đảo và vùng đệm:

- Huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Phúc: Xã Đạo Trù.
- Huyện Tam Đảo tỉnh Vĩnh Phúc: Thị trấn Tam Đảo, xã Hồ Sơn, xã Đại Đình và xã Tam Quan và khu du lịch Tây Thiên.
- Huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang: Thị trấn Sơn Dương, Xã Sơn Nam,
- Huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên: Thị trấn Đại Từ, Khu du lịch Hồ Núi Cốc, Xã Yên Lãng

Tại các điểm khảo sát đã tiến hành điều tra phỏng vấn phát hiện các hộ đang nuôi nhốt động vật hoang dã và/hoặc có nuôi trồng lan để thống kê số lượng loài, số lượng cá thể, nguồn gốc, mục đích nuôi trồng, v.v... Trong một số trường hợp (có số lượng lớn động vật hoặc lan) Đoàn đã kết hợp Hạt kiểm lâm sở tại để tiến hành thống kê số lượng.

Để xây dựng biện pháp quản lý Đoàn đã tiến hành trao đổi thông tin và tham vấn ý kiến của các chi cục và hạt kiểm lâm sau: Chi cục kiểm lâm Thái Nguyên, Hạt kiểm lâm Đại Từ, Hạt kiểm lâm Núi Cốc, Chi cục kiểm lâm Tuyên Quang, Hạt kiểm lâm Sơn Dương, Chi cục kiểm lâm Vĩnh Phúc, Hạt kiểm lâm Tam Đảo, Hạt kiểm lâm VQG Tam Đảo. Danh sách các cán bộ được tham vấn thể hiện trong phụ lục 1.

3. KẾT QUẢ

3.1. THỐNG KÊ CÁC ĐIỂM NUÔI NHỐT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

- **Khu vực thị trấn Tam Đảo**

Khu vực thị trấn Tam Đảo không có gia đình nào nuôi kinh doanh động vật hoang dã, chỉ có một vài gia đình nuôi 1-2 con sáo đá hoặc khướu làm cảnh.

- **Khu du lịch Tây Thiên, các xã Sơn Nam, Đạo Trù, Đại Đình và Tam Quan**

Có 7 gia đình nuôi động vật hoang dã (Bảng 1), trong đó có 3 gia đình nuôi chim với mục đích vui chơi giải trí, 1 gia đình nuôi sóc làm cảnh; 3 gia đình nuôi chim với mục đích kinh doanh (gia đình ông Đỗ Văn Thông xã Sơn Nam, ông Tôn Văn Thành xã Đạo Trù và ông Năng Xuân Khang xã Tam Quan).

Gia đình ông **Đỗ Văn Thông**: nuôi 8 loài (15 cá thể), trong đó có 7 loài chim (14 cá thể) và 1 loài rùa (1 cá thể). Hình thức nuôi: các loài chim đều nuôi nhốt trong các lồng treo. Thức ăn và nước uống được cung cấp hàng ngày, ban ngày treo các lồng chim trên các cây trước cửa nhà, đêm chuyển vào treo trong nhà. Riêng loài rùa được nuôi trong chậu nhỏ có nước đặt ngay trong nhà.

Gia đình ông **Tôn Văn Thành**: nuôi 6 loài (28 cá thể), trong đó có 1 loài thú (1 cá thể), 3 loài chim (4 cá thể) và 2 loài rắn (23 cá thể). Hình thức nuôi: Đon nuôi ở vườn rộng có tường cao bao chung quanh; chim nuôi nhốt trong các lồng bằng sắt hay tre, có gác 1 cành cây để chim đậu, không gian trong lồng chỉ đủ cho chim nhảy xoay cơ thể chứ không bay được và được treo quanh nhà (chủ yếu hiên nhà). Thức ăn và nước được cung cấp hàng ngày. Riêng hai loài rắn được nuôi nhốt trong các chuồng kín bằng gỗ và thức ăn được cung cấp hàng ngày, chuồng nuôi đặt ngay trong nhà cùng với người. Trước đây gia đình này nuôi rất nhiều rắn nhưng nay không còn nuôi nhiều nữa do thiếu nhân lực và nguồn thức ăn cho rắn.

Tại vườn cây nhà ông Thành hiện nay có rất nhiều chim (chủ yếu là các loài cò) đến trú đêm và làm tổ sinh sản, tạo thành “vườn chim”. Số lượng chim có khi lên tới vài ngàn con. Ông Thành tích cực bảo vệ vườn chim khỏi sự quấy nhiễu của người khác, nhưng lại khai thác chim để ăn và bán (kể cả con non). Hiện nay, Hạt kiểm lâm VQG Tam Đảo chưa có biện pháp cụ thể nào để quản lý và bảo vệ vườn chim này.

Bảng 1: Các gia đình nuôi động vật hoang dã tại khu vực Tây Thiên và 4 xã phụ cận

Gia đình	Loài và số lượng nuôi	Mục đích nuôi
Ông Đỗ Văn Thông Xóm Bám, xã Sơn Nam, Sơn Dương, Tuyên Quang	Khướu bạc má (3), Sáo mỏ vàng (3), Sáo mỏ ngà (1), Hoạ mi (2), Chào mào (2), Cu gáy (1), Cu ngói (2), Rùa đất spengle (1).	Nuôi buôn bán
Anh Tôn Văn Thành Xóm Phân Lân, Xã Đạo Trù, Huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc	Đon (1), Rắn hổ mang (4), Rắn hổ trâu(19), Chích choè (1), Khướu mun (2), Cu gáy (1).	Nuôi buôn bán
Anh Lê Văn Long Xã Tam Quan, Huyện Tam Đảo, VP	Yểng (1), Vẹt (1), Khướu bạc má (1)	Nuôi cảnh
Ông Năng Xuân Khang Xã Tam Quan, Huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc.	Sáo sậu (1), Khướu đầu trắng (3), Hoạ mi (1), Cu gáy nuôi đẻ (47)	Nuôi buôn bán
Ông Diệp Anh Nguyệt Xã Đại Đình, Huyện Tam Đảo, VP	Sóc bụng đỏ (2)	Nuôi cảnh
2 gia đình Tây Thiên	Chim (1-3)	Nuôi cảnh và bán

Gia đình ông **Năng Xuân Khang**: nuôi 4 loài chim (52 cá thể), hầu hết được nuôi nhốt trong các lồng được bao bằng lưới sắt hay tre, có gác 1 cành cây để chim đậu, không gian trong lồng chỉ đủ cho chim nhảy xoay cơ thể chứ không bay được, ban ngày treo trên cây trước nhà, đêm chuyển vào treo trong nhà, thức ăn và nước được cung cấp hàng ngày. Điều cần lưu ý: gia đình ông Khang đã nuôi được chim gáy sinh sản, do đó mà số lượng chim gáy gia đình nuôi đã lên tới 47 cá thể (tính số hiện tại). Các cặp chim gáy sinh sản được nuôi trong những lồng rộng đặt cố định ngay cạnh nhà ở. Ông Khang cũng đã từng nuôi sóc bụng đỏ và đang làm chuồng để nuôi sinh sản một số loài sóc của khu vực này. Theo ông Khang việc nuôi kinh doanh động vật hoang dã mang lại thu nhập cho gia đình ông khoảng 1.000.000 đồng/tháng.

- **Khu du lịch Hồ Núi Cốc**

Có 1 gia đình nuôi 1 khướu bạc má với mục đích vui chơi giải trí và Công viên cá sấu của Công Ty Cổ phần Công Đoàn Du Lịch Núi Cốc nuôi nhiều loài động vật với mục đích kinh doanh (lấy mật gấu và trưng bày cho khách du lịch tham quan).

Bảng 2: Các gia đình nuôi động vật hoang dã tại khu du lịch hồ Núi Cốc

Cơ sở nuôi	Loài và số lượng nuôi	Mục đích nuôi
Công viên cá sấu Cty Cổ phần Công Đoàn Du Lịch Núi Cốc.	Gấu ngựa (2), Mèo rừng (1), Khỉ mốc (1), Khỉ mặt đỏ (1), Sóc bụng đỏ (3), Chèo mào (2), Hoạ mi (2), Khướu bạc má (1), Khướu đầu trắng (1), Vẹt xanh (2), Sáo đá (1), Sáo sậu (1), Oanh (2), Bìm bịp (1), Gà lôi (1), Cu gáy (2), Cò bợ (3), Gà tre (2), Rùa đất lớn (5), Rùa đất Sê pôn (1).	Gấu: trưng bày, lấy mật Các loài khác: trưng bày phục vụ khách du lịch tham quan

Công Viên Cá Sấu: nuôi 20 loài động vật hoang dã (không kể đà điểu, cá sấu Cu Ba và Hươu sao không có nguồn gốc săn bắt từ thiên nhiên). Trong 20 loài động vật hoang dã có: 5 loài thú (8 cá thể), 13 loài chim (22 cá thể) và 2 loài bò sát (6 cá thể). Nhìn chung, khu nuôi còn sơ sài, trừ chuồng nuôi khỉ tạm đủ không gian cho con vật hoạt động, các chuồng nuôi khác đều rất chật hẹp. Có 6 cán bộ phụ trách, trong đó chỉ có 2 người được tập huấn kỹ thuật nuôi ngắn hạn tại Trung Tâm Nghiên Cứu Gia Cầm Thụy Phương, không có cán bộ thú ý. Do vậy, việc chăm sóc động vật nuôi thường không đúng kỹ thuật và động vật thường xuyên bị chết.

Lãnh đạo Công ty cho biết đã có giấy phép kinh doanh nuôi trưng bày động vật hoang dã nhưng Chi cục và Hạt Kiểm Lâm sở tại chưa được trình báo mặc dù đã nhiều lần đề nghị. Hiện nay Kiểm lâm sở tại vẫn chưa áp dụng các biện pháp tích cực để kiểm soát việc thu mua và nuôi giữ động vật hoang dã của Công ty này.

- **Khu vực thị trấn Đại Từ và xã Yên Lãng**

Tại Thị trấn Đại Từ có 1 gia đình nuôi kinh doanh động vật hoang dã (ông Triệu Văn Hồng) và khoảng 10 gia đình khác nuôi 4 loài chim với số lượng ít (1-6 cá thể) để vui chơi giải trí. Tại Xã Yên Lãng có 3 gia đình nuôi động vật hoang dã với mục đích kinh doanh (Bảng 3).

Gia đình ông **Triệu Văn Hồng**: nuôi 7 loài động vật hoang dã, gồm 3 loài thú (11 cá thể), 3 loài chim (6 cá thể) và 1 loài bò sát (khoảng 100 cá thể). Ngoài ra, gia đình ông còn nuôi 6 cá thể hươu sao, 2 cá thể nai và 100 cá thể ba ba trơn có nguồn gốc nuôi, mua từ vùng khác về.

Mục đích nuôi là khai thác và bán mật gấu, nhưng hươu sao, nhưng nai và bán con giống hươu sao. Điều kiện nuôi chưa hợp lý vì khu nuôi ở ngay cạnh nhà ở, chuồng nuôi nhất là chuồng nuôi gấu quá chật hẹp, không đủ không gian cho con vật vận động. Người chăn nuôi không được đào tạo, dựa chủ yếu vào kinh nghiệm của bản thân.

Bảng 3: Các gia đình nuôi động vật hoang dã tại khu vực Thị trấn Đại Từ và xã Yên Lãng

Gia đình	Loài và số lượng nuôi	Mục đích nuôi
Ông Triệu Văn Hồng Thị trấn Đại Từ, Thái Nguyên	Gấu ngựa (6), Nai (2), Hươu sao (6), Nhím (4), Cây vôi đốm (1), Gà lôi trắng: (5), Ba ba (ca.100)	Nuôi bán
Ông Đặng Hải Sinh Xã Yên Lãng, Đại Từ, Thái Nguyên.	Gấu ngựa (2), Nhím bờm (2), Cu gáy (8), Yểng (2), Khướu bạc má (1)	Nuôi bán
Bà Ngô Quang Nụ Xã Yên Lãng, Đại Từ, Thái Nguyên.	Gấu chó (1)	Nuôi lấy mật bán
Triệu Văn Long Xã Yên Lãng, Đại Từ, Thái Nguyên.	Hoẵng (2), Gà rừng (2), Hươu sao (4)	Nuôi chơi, có thể bán
Một số gia đình Thị trấn Đại Từ	Chim (Sáo đá, Khướu bạc má, Vẹt, Hoạ mi).	Nuôi cảnh

Gia đình **bà Ngô Quang Nụ**: nuôi 1 gấu chó (nặng khoảng 150Kg) để lấy mật bán. Gấu được nuôi trong cũi hẹp sau nhà, hút mật 3 tháng một lần.

Gia đình **ông Đặng Hải Sinh**: nuôi 2 gấu ngựa, 3 con nhím (1 nhím con mới đẻ), 10 con cu gáy, 1 con yểng và 1 khướu bạc má. Động vật được nuôi sau nhà trong các chuồng và lồng hẹp, thiếu vệ sinh.

Gia đình **ông Triệu Văn Long**: nuôi 2 con hoẵng và 2 gà rừng và 4 hươu sao có nguồn gốc nuôi. Mục đích nuôi: kinh doanh nhưng chưa được bán. Hình thức nuôi chưa hợp lý vì chuồng nuôi ở ngay cạnh người ở, quá chật hẹp, không đủ không gian cho con vật vận động. Người chăn nuôi không qua đào tạo dựa chủ yếu vào kinh nghiệm của bản thân.

- Khu vực thị trấn Sơn Dương**

Tại khu vực này có 3 gia đình nuôi kinh doanh động vật hoang dã là gia đình ông bà Thu Quyết nuôi gấu, gia đình ông San nuôi chim. Một số gia đình khác nuôi chim với số lượng ít (1-4 con) để vui chơi giải trí. Một gia đình nuôi rắn nước để làm thức ăn. Tất cả các gia đình đều không có điều kiện nuôi phù hợp và thiếu kinh nghiệm nuôi. Trước đây, khu vực này có nhiều gia đình nuôi rắn kinh doanh, nhưng hiện nay họ đã thôi không nuôi nữa vì khan hiếm nguồn con mồi và có nghề kinh doanh khác thu lợi nhuận cao hơn (buôn bán qua biên giới Việt – Trung).

Bảng 4: Các gia đình nuôi động vật hoang dã tại khu vực Thị trấn Sơn Dương

Gia đình	Loài và số lượng nuôi	Mục đích nuôi
Ông bà Thu Quyết	Gấu ngựa (5)	Nuôi lấy mật bán

Thị trấn Sơn Dương, Tuyên Quang		
Ông Nguyễn Xuân Tạo Thị trấn Sơn Dương, Tuyên Quang	Rắn nước (khoảng 10 con)	Nuôi làm thực phẩm
Ông San Thị trấn Sơn Dương, Tuyên Quang	Yểng (1), Chích choè (3), Vẹt (1), Khướu bạc má (2), Khướu mun (1), Cu gáy (11), Chào mào (4), Sáo mỏ ngà (2).	Nuôi buôn bán
Một số hộ Thị trấn Sơn Dương, Tuyên Quang.	Nuôi 1 – 4 chim	Nuôi cảnh

3.2. CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ BỊ BẮT NUÔI

Trong thời gian khảo sát đã thống kê được ở khu vực VQG Tam Đảo và vùng đệm có 38 loài động vật hoang dã bị bắt nuôi nhốt, bao gồm 11 loài thú, 20 loài chim và 7 loài bò sát (Bảng 5). Tuy nhiên cần nói rằng, thời gian khảo sát không phải là mùa du lịch cao điểm nên số loài và số lượng cá thể động vật hoang dã thống kê được không phải là con số cao nhất. Qua phỏng vấn người dân địa phương chúng tôi được biết, vào mùa du lịch cao điểm số loài động vật nhỏ bị bắt nuôi cao hơn, đặc biệt số lượng cá thể của mỗi loài có thể tăng lên nhiều.

Bảng 5: Danh lục loài động vật hoang dã bị bắt nuôi ở khu VQG Tam Đảo và vùng đệm

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Số lượng	Nguồn gốc
	I. Các loài thú			
1.	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>	1	Không rõ nguồn gốc
2.	Khỉ mốc	<i>Macaca assamensis</i>	1	Không rõ nguồn gốc
3.	Gấu ngựa	<i>Ursus thibetanus</i>	15	Lào, vùng núi phía bắc
4.	Gấu chó	<i>Ursus malayanus</i>	1	Vùng núi phía bắc
5.	Cây vòi đốm	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>	1	Trong huyện Đại Từ
6.	Mèo rừng	<i>Prionailurus bengalensis</i>	1	Trong vùng Hồ Núi Cốc
7.	Nai	<i>Cervus unicolor</i>	2	Không rõ nguồn gốc
8.	Hoẵng	<i>Muntiacus muntjak</i>	1	Vùng đệm VQG Tam Đảo
9.	Sóc bụng đỏ	<i>Callosciurus erythraeus</i>	5	VQG Tam Đảo và vùng đệm
10.	Nhím bờm	<i>Acanthion subcristatum</i>	7	Vùng đệm VQG Tam Đảo
11.	Hon	<i>Atherurus macrourus</i>	1	Vùng đệm VQG Tam Đảo
	II. Các loài chim			
12.	Cò bợ	<i>Ardeola bacchus</i>	3	Vùng Hồ Núi Cốc
13.	Gà rừng	<i>Gallus gallus</i>	2	Vùng đồi, rừng huyện Đại Từ
14.	Gà lôi trắng	<i>Lophura nycthemera</i>	4	Vùng đồi, rừng huyện Đại Từ
15.	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicanaratum</i>	1	Không rõ nguồn gốc

16.	Cu gáy	<i>Streptopelia chinensis</i>	74	Vùng đệm VQG Tam Đảo
17.	Cu ngói	<i>Streptopelia tranquebarica</i>	2	Vùng đệm VQG Tam Đảo
18.	Vẹt ngực đỏ	<i>Psittacula alexandri</i>	4	Vùng đệm VQG Tam Đảo
19.	Bìm bịp lớn	<i>Centropus sinensis</i>	1	Vùng đệm VQG Tam Đảo
20.	Chào mào đất đỏ	<i>Picnonotus jocosus</i>	10	Vùng đệm VQG Tam Đảo
21.	Chào mào	<i>Picnonotus sp.</i>	1	Vùng đệm VQG Tam Đảo
22.	Chích choè	<i>Capsychus saularis</i>	5	Vùng đệm VQG Tam Đảo
23.	Oanh cổ đỏ	<i>Erithacus calliope</i>	2	Vùng đệm VQG Tam Đảo
24.	Khuống bạc má	<i>Garrulax chinensis</i>	21	Vùng đệm VQG Tam Đảo
25.	Khuống mun	<i>Garrulax sp.</i>	2	Vùng đệm VQG Tam Đảo
26.	Khuống đầu trắng	<i>Garrulax leucolophus</i>	4	Vùng đệm VQG Tam Đảo
27.	Hoạ mi	<i>Garrulax canorus</i>	9	Vùng đệm VQG Tam Đảo
28.	Sáo mỏ vàng	<i>Acridotheres grandis</i>	3	Vùng đệm VQG Tam Đảo
29.	Sáo mỏ ngà	<i>Acridotheres cristatellus</i>	6	Vùng đệm VQG Tam Đảo
30.	Sáo sậu	<i>Sturnus nigricollis</i>	3	Vùng đệm VQG Tam Đảo
31.	Yểng	<i>Gracula religiosa</i>	4	Vùng đệm VQG Tam Đảo
	III. Các loài bò sát			
32.	Trăn đất	<i>Python molurus</i>	1	Vùng đệm VQG Tam Đảo
33.	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i>	19	Vùng đệm VQG Tam Đảo và nơi khác
34.	Rắn hổ mang	<i>Naja naja</i>	4	Vùng đệm VQG Tam Đảo và nơi khác
35.	Rùa đất lớn	<i>Geoemyda grandis</i>	5	Không rõ nguồn gốc
36.	Rùa đất sêpôn	<i>Geoemyda tcheponensis</i>	1	Không rõ nguồn gốc
37.	Rùa đất spengle	<i>Geoemyda spengle</i>	1	Vùng đệm VQG Tam Đảo
38.	Ba ba trơn	<i>Pelodiscus sinensis</i>	6	Vùng đệm VQG Tam Đảo

Trong số 38 loài động vật hoang dã hiện đang nuôi tại khu vực khảo sát, có 2 loài gấu (gấu ngựa và gấu chó) không có nguồn gốc từ VQG Tam Đảo, 2 loài khỉ (khỉ mặt đỏ và khỉ vàng) cũng được mua từ nơi khác về còn lại 34 loài có nguồn gốc từ VQG Tam Đảo hoặc lân cận.

Có 18 loài động vật nuôi nhốt thuộc diện bị đe dọa diệt vong hoặc đã được Nghị định 48/2002/NĐCP (2002) qui định nghiêm cấm khai thác sử dụng hoặc hạn chế khai thác sử dụng (Bảng 6), bao gồm:

- 8 loài đang bị đe dọa diệt vong trong nước
- 8 loài đang bị đe dọa diệt vong trên toàn cầu
- 16 loài được bảo vệ bằng Nghị định 48/2002/NĐCP.

Sự có mặt của 18 loài động vật đang bị đe dọa diệt vong, đặc biệt là 16 loài có tên trong Nghị định 48/2002/NĐCP trong danh mục các loài bị bắt nuôi trái phép cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng các luật định quốc gia về bảo tồn động vật hoang dã trong khu vực khảo sát.

Bảng 6: Những loài động vật hoang dã quý hiếm đang nuôi trong khu vực

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	SĐVN, 2000	IUCN, 2003	NĐ48/2002 /NĐCP
----	---------------	--------------	---------------	---------------	--------------------

1	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>	V	VU	IIB
2	Khỉ mốc	<i>Macaca assamensis</i>		LR/nt	IIB
3	Gấu ngựa	<i>Ursus thibetanus</i>	E	VU	IB
4	Gấu chó	<i>Ursus malayanus</i>	E	DD	IB
5	Mèo rừng	<i>Prionailurus bengalensis</i>			IB
6	Gà lôi trắng	<i>Lophura nycthemera</i>	T		IB
7	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicancaratum</i>			IB
8	Khuống bạc má	<i>Garrulax chinensis</i>			IIB
9	Khuống mun	<i>Garrulax sp.</i>			IIB
10	Khuống đầu trắng	<i>Garrulax leucolophus</i>			IIB
11	Hoạ mi	<i>Garrulax canorus</i>			IIB
12	Yểng	<i>Gracula religiosa</i>			IIB
13	Trăn đất	<i>Python molurus</i>	V	LR/nt	IIB
14	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i>	V		IB
15	Rắn hổ mang	<i>Naja atra</i>	T		IIB
16	Rùa đất lớn	<i>Geoemyda grandis</i>	V	VU	IIB
17	Rùa đất spengle	<i>Geoemyda spengle</i>		EN	
18	Ba ba tron	<i>Pelodiscus sinensis</i>		VU	

Ghi chú: SĐVN, 2000 □ Sách đỏ Việt Nam, 2000: E- Nguy cấp, V- Sẽ nguy cấp, T- Bị đe dọa. IUCN, 2003: Danh lục đỏ IUCN, 2003: EN- Nguy cấp, VU- Sẽ nguy cấp, LRnt- Gần bị đe dọa NĐ 48/2002/NĐCP- Nghị định 48/2002/NĐCP: IB- Nghiêm cấm khai thác sử dụng, IIB- Hạn chế khai thác sử dụng và có kiểm soát.

3.3. MỘT SỐ NHẬN XÉT LIÊN QUAN ĐẾN NUÔI NHỐT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

- *Mức độ săn bắt và sử dụng và nuôi nhốt*

Mức độ săn bắt động vật từ VQG Tam Đảo ở các xã vùng đệm khá lớn. Tuy nhiên, hầu hết các động vật săn bắt đều được người dân sử dụng làm thực phẩm cho gia đình, bán cho các nhà hàng hoặc các chủ buôn bán động vật hoang dã vẫn chuyển đi nơi khác. Số lượng động vật được giữ lại nuôi nhốt không nhiều. Đáng kể có cu gáy (74 cá thể), khuống bạc má (21 cá thể), rắn ráo trâu (19 cá thể), gấu ngựa (15 cá thể) và chào mào đất đỏ (10 cá thể); số loài còn lại chỉ vài cá thể. Số các hộ hoặc cơ sở nuôi cũng không nhiều, khoảng gần 30 hộ gia đình và một cơ sở (Công viên cá sấu ở hồ Núi Cốc). Qui mô nuôi cũng rất nhỏ. Đáng kể nhất có Công viên cá sấu nuôi 20 loài với 35 cá thể, trong đó có 2 gấu ngựa; Gia đình ông Triệu Văn Hồng ở Đại Từ nuôi 7 loài với 24 cá thể, trong đó có 6 gấu ngựa; Gia đình ông bà Thu Quyết ở thị trấn Tam Dương nuôi 5 gấu ngựa. Nguyên nhân làm mức độ nuôi động vật hoang dã trong vùng khảo sát không lớn chủ yếu là do người nuôi chưa nắm bắt được kỹ thuật nuôi, nên nguy cơ thất thu do động vật bị chết cao và có sự nhắc nhở cảnh báo hoặc tịch thu động vật của lực lượng kiểm lâm.

- *Mục đích nuôi*

Có 2 mục đích chính là nuôi kinh doanh và nuôi chơi giải trí. Trong tổng số 23 cơ sở nuôi động vật hoang dã đã điều tra, chỉ có 9 cơ sở chăn nuôi với mục đích kinh doanh. Trong đó, đáng kể nhất là 5 cơ sở nuôi gấu lấy mật bán, 3 cơ sở nuôi chim cảnh bán, 1 cơ sở nuôi rắn bán. Các cơ sở còn lại chủ yếu nuôi chim cảnh hoặc một số động vật khác (sóc cây, rùa,...) với số lượng ít (từ 1 đến 5 con) và để chơi hoặc thu hút khách du lịch. Tuy nhiên, những hộ này nếu có người hỏi mua được giá thì họ cũng sẵn sàng bán nhưng đó không phải là mục đích chính.

Trên thực tế, hầu hết các loài động vật được nuôi kinh doanh, tình trạng nuôi giữ động vật trái phép công khai trong khu vực cho thấy việc thi hành luật pháp ở đây còn yếu.

- *Mức độ thu nhập đem lại do nuôi*

Thu nhập cao nhất là chăn nuôi gấu lấy mật. Hầu hết, gấu ở các gia đình nuôi hiện nay đều có trọng lượng xấp xỉ 200Kg, con thấp nhất 150Kg. Các gia đình lấy mật định kỳ 3 hoặc 6 tháng một lần, trung bình mỗi lần 80cc mật/con, giá bán hiện nay: 80.000đồng/cc. Ước tính tiền thu bán mật gấu trong một năm từ 13 đến 19 triệu đồng/con chưa trừ chi phí ăn và nuôi dưỡng chúng. Qua sơ bộ tính toán trên cho thấy nguồn thu nhập từ việc nuôi gấu rất cao. Việc nuôi chim cảnh, và nuôi rắn không mang lại thu nhập đáng kể cho gia đình vì số lượng vật nuôi thấp. Các gia đình nuôi chơi không có thu nhập.

- *Tình trạng kinh tế của các hộ nuôi*

Những cơ sở chăn nuôi gấu đều là những gia đình giàu có, hoặc khá giả hơn trong vùng. Tuy nhiên, nghề kinh doanh chính của họ là nghề khác (nhà hàng ăn uống, bán thuốc đông y, cửa hàng đồ điện tử,...). Những hộ nuôi kinh doanh động vật hoang dã khác cũng đều thuộc loại khá giả trong vùng nên thu nhập từ kinh doanh động vật hoang dã của hầu hết các gia đình chỉ là nguồn thu bổ sung bổ sung cho các nguồn thu khác quan trọng hơn của gia đình họ.

- *Nguồn thu nhập thay thế nếu ngăn cấm việc nuôi*

Thực tế những gia đình nuôi kinh doanh động vật (nuôi gấu lấy mật, chim cảnh...) đều thuộc loại gia đình giàu có, hoặc khá giả trong vùng, nguồn thu nhập từ nuôi kinh doanh động vật hoang dã không chiếm tỉ trọng lớn trong thu nhập của gia đình so với thu nhập của họ từ các dịch vụ kinh doanh khác. Do đó, nếu việc ngăn cấm nuôi kinh doanh động vật hoang dã sẽ không ảnh hưởng lớn tới kinh tế của các gia đình này.

- *Nhu cầu thị trường*

Khảo sát cho thấy nhu cầu thị trường về mật gấu vẫn còn rất lớn. Trên thực tế giá mật gấu tươi đã giảm từ 100000-12 000 đồng/cc vào những năm trước 2000, xuống còn khoảng 70000-80000 đồng/cc hiện nay. Nguyên nhân là do lượng gấu nuôi lấy mật tăng đáng kể trong những năm gần đây. Theo thống kê của Cục Kiểm Lâm, số gấu nuôi lấy mật hiện nay trên toàn quốc khoảng trên 2000 con. Nền lượng mật bán ra thị trường cũng tăng nhiều dẫn đến phải giảm giá bán. Tuy nhiên, mặc dù giá đã giảm xuống còn 70000-80000 đ/cc nhưng vẫn còn quá cao so với mức thu nhập của nhiều hộ nông thôn.

Nhu cầu thị trường về chim, sóc nuôi cảnh trong vùng vẫn còn cao do lượng khách du lịch Việt Nam đến khu vực này không giảm. Tuy nhiên, việc nuôi rắn đã suy giảm nhiều do khó khăn trong việc mua con mồi cho rắn ăn (cóc sống, hoặc rắn sống cho rắn hổ mang chúa, hiện nay mới chỉ rắn hổ mang được nuôi sinh sản nhiều) hoặc một số người dân khác đã tìm được công việc kinh doanh khác có lợi nhuận cao hơn (buôn bán hàng sang biên giới Trung Quốc).

- *Nhận thức của các hộ và cơ sở nuôi về luật pháp bảo tồn động vật hoang dã*

Các gia đình nuôi gấu đều biết nuôi gấu là phạm pháp có thể bị tịch thu, nhưng họ vẫn cứ nuôi vì lợi nhuận cao và cũng chưa có trường hợp nào bị tịch thu gấu. Tuy nhiên, nhận thức của đa số họ chỉ dừng lại ở mức rằng loài này không còn nhiều trong tự nhiên nên Nhà nước cấm bắt

nuôi, chứ chưa có được những hiểu biết sâu về sự cần thiết cũng như các qui định của pháp luật về bảo tồn các loài động vật hoang dã. Mặt khác, lực lượng kiểm lâm địa phương cũng chưa áp dụng các biện pháp kiên quyết để kiểm soát.

Các gia đình kinh doanh động vật nhỏ (chim cảnh, rắn v.v.) có hiểu biết rất hạn chế về các qui định luật pháp về bảo tồn động vật hoang dã. Do đó, hàng ngày các loài chim thú nuôi vẫn bày bán ngay trước cửa nhà, thậm chí ngay cả gần các trạm kiểm lâm.

- *Nhận thức của kiểm lâm viên về luật pháp bảo tồn đa dạng sinh học*

Nhìn chung các kiểm lâm viên của VQG Tam Đảo và các huyện vùng đệm đều biết về việc pháp luật cấm săn bắt động vật hoang dã về nuôi, nhưng có rất nhiều kiểm lâm viên đặc biệt là kiểm lâm viên các huyện chưa có hiểu biết đầy đủ về nội dung các văn bản luật pháp này (Luật bảo vệ và phát triển rừng, Nghị định 48/2002/NĐCP,...).

Các kiểm lâm viên kể cả của VQG Tam Đảo và các huyện vùng đệm đều chưa chú trọng đến việc kiểm soát tình trạng nuôi động vật hoang dã trong vùng (trừ gấu), nên chưa thực hiện các biện pháp mạnh để ngăn chặn, chỉ nhắc nhở các cơ sở nuôi. Họ chưa nhận biết được các loài động vật hoang dã quý hiếm hoặc đã ghi trong Nghị Định 48/2002/NĐCP, đồng thời, cũng chưa biết nên xử lý như thế nào đối với các trường hợp vi phạm này.

3.4.. THÔNG KÊ CÁC ĐIỂM NUÔI TRỒNG LAN

Qua quá trình điều tra chúng tôi đã thống kê được 15 cơ sở nuôi trồng Lan thuộc khu vực VQG Tam Đảo và vùng đệm. Trong đó, có 2 cơ sở quy mô vừa là Cung Đệ nhất Phong Lan và Trại Lan của Viện Di Truyền Nông Nghiệp thuộc Thị trấn Tam Đảo, còn lại 13 cơ sở có quy mô nhỏ. Các cơ sở này nằm chủ yếu ở hai khu vực sau: Khu vực Thị Trấn Tam Đảo (13 cơ sở) và Khu du lịch Hồ Núi Cốc (2 cơ sở). Còn các khu vực khác (Thị trấn Đại Từ và xã Yên Lãng; Thị trấn Sơn Dương; Khu du lịch Tây Thiên và lân cận) thì không phát hiện có cơ sở nào nuôi trồng lan đáng kể. Chỉ có vài gia đình treo 1-5 giò lan chơi cảnh. Danh sách và quy mô các cơ sở nuôi trồng lan được thống kê trong Bảng 7.

3.5. CÁC LOÀI LAN NUÔI TRỒNG

Tổng số các loài lan được trồng, bán tại khu vực VQG Tam Đảo và Khu du lịch Hồ Núi Cốc là 54 loài. Trong đó, có 28 loài có nguồn gốc từ VQG Tam Đảo được trồng nhiều để bán hay chơi cảnh, 25 loài không có nguồn gốc từ nhiên nhiên nhưng không phân bố tại khu vực VQG Tam Đảo, mà được thu mua từ nhiều nơi khác nhau như: Hà Nội, Thái Nguyên, Sa Pa, Hà Tây, Đà Lạt... và một số ít loài được gây trồng (GT) từ việc nhân giống nuôi cấy mô, hoặc có nguồn gốc từ nước ngoài. Nhìn chung, các loài lan nuôi trồng ở khu vực VQG Tam Đảo và vùng đệm đều có nguồn gốc từ thiên nhiên. Riêng 2 cơ sở nuôi lan là Đệ Nhất Phong lan và Vườn lan của Viện Di Truyền Nông Nghiệp đã tiến hành nuôi lan có nguồn gốc nhân tạo nhưng vẫn kết hợp với nuôi lan có nguồn gốc thiên nhiên. Điều này cho thấy cần có sự kiểm soát nghiêm ngặt không chỉ đối với các vườn lan tư nhân mà cả các cơ sở nuôi lan của Nhà nước.

Các loài nuôi trồng phổ biến là: Acam cứng - *Acampe rigida*, Quế lan hương- *Aerides odorata*, Lan sậy- *Arundina graminifolia*, Thủy tiên- *Dendrobium thyrsiflorum*, Da báo- *Hygrochilus parishii*, Hoàng thảo đẹt- *Dendrobium nobile*, Kim điệp- *Dendrobium fimbriatum*, Trúc đen- *Dendrobium hancockii*, Kim điệp- *D. chrysanthum*, Lan bông- *Flickingeria ritaeana*,

Hải Tam Đảo- *Paphiopedilum grantrixianum*, Tục đoạn Trung Quốc- *Pholidota chinensis*, Hạc đỉnh- *Phaius mishmensis*, Tai trâu- *Rhynchostylis gigantea* (Bảng 8).

Trong số 54 loài nuôi trồng, có 11 loài thuộc chi Lan hài- *Paphiopedilum* nằm trong phụ lục 1 của nghị định 48/2002-NĐCP (Bảng 8); 6 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam (Kim tuyến - *Anoectochilus setaceus*, Hoàng thảo đẹp- *Dendrobium nobile*, Thủy tiên - *Dendrobium amabile*, Bạch hoả hồng- *D. bellatulum*, Hài tảo- *Paphiopedilum appletonianum* và Hài lông tím - *P. hirsutissimum*).

Việc xâm hại do khai thác nguồn lan giống từ thiên nhiên, việc nuôi trồng lan con cần sự dụng đến một lượng lớn các giá thể cho lan bám. Các giá thể này chủ yếu là thân cây dương xỉ hoặc cây gỗ khai thác từ rừng tự nhiên của VQG Tam Đảo và vùng đệm do đó gây tổn hại đến tài nguyên sinh vật của VQG Tam Đảo và khu vực.

Bảng 8. Danh lục các loài Lan được trồng và bán tại khu vực VQG Tam Đảo và vùng đệm

No	Tên khoa học	Tên thường gọi	SĐVN, NĐ 48	IUCN, 2003	Nguồn gốc
1.	<i>Acampe rigida</i> (Buch.- Ham. ex J.E.Smith) P.F. Hunt	Acam cứng		LR	TĐ
2.	<i>Aerides odorata</i> Lour.	Quế lan hương		VU	TĐ
3.	<i>Anoectochilus setaceus</i> Blume	Kim tuyến	R	EN	TĐ
4.	<i>Arundina graminifolia</i> (D. Don) Hochr.	Lan sậy		LR	TĐ
5.	<i>Bulbophyllum ambrosia</i> (Hance) Schlechter	Câu điệp hạnh nhân		LR	TĐ
6.	<i>Bulbophyllum macranthum</i> Lindl.	Câu điệp hoa to		DD	TĐ
7.	<i>Bulbophyllum stenobulbon</i> Par. & Reichenb.f.	Câu điệp củ mảnh		LR	TĐ
8.	<i>Calanthe clavata</i> Lindl.	Kiều lan đỉnh		LR	TĐ
9.	<i>Cleisostoma striatum</i> (Reichenb.f.) Garay	Mật khẩu sọc		LR	TĐ
10.	<i>Coelogyne fimbriata</i> Lindl.	Thanh đạm rìa		LR	TĐ
11.	<i>Coelogyne</i> sp	Thanh đạm			TĐ
12.	<i>Cymbidium aloifolium</i> (L.) Sw.	Đoãn kiếm, lô hội		LR	TĐ, GT
13.	<i>Cymbidium lancifolium</i> Hook. f.	Lục lan		LR	TĐ, GT
14.	<i>Cymbidium sinense</i>	Địa lan Trung quốc			TN, GT
15.	<i>Cymbidium</i> spp	Địa lan			GT
16.	<i>Dendrobium draconis</i> Reichenb.f	Nhất điểm hồng		EN	TĐ, GT
17.	<i>Dendrobium amabile</i> (Lour.) O'Brien.	Thủy tiên hường, Kiêu tím	R		TN, GT
18.	<i>Dendrobium bellatulum</i> Rolfe.	Bạch hoả hồng	R		TN, GT
19.	<i>Dendrobium capillipes</i> Reichb.f.	Kim điệp nam			TN, GT
20.	<i>Dendrobium chrysanthum</i> Lindl.	Phi điệp vàng, ngọc vạn vàng		LR	TĐ, GT
21.	<i>Dendrobium fimbriatum</i> Hook.	Kim điệp, Long nhân		LR	TĐ, GT

22.	<i>Dendrobium hancockii</i>	Trúc đen		VU	TĐ, GT
23.	<i>Dendrobium lindleyi</i> Steudel.	Vảy rồng			TĐ, GT
24.	<i>Dendrobium nobile</i> Lindl.	Hoàng thảo dẹt	R	LR	TĐ, GT
25.	<i>Dendrobium</i> spp.	Hoàng thảo			TN, GT
26.	<i>Dendrobium thyrsiflorum</i> Reichenb. f.	Kiều vàng, Thủy tiên vàng		LR	TĐ, GT
27.	<i>Eria</i> sp	Nữ lan			TĐ
28.	<i>Eria</i> spp	Lan tai bò			
29.	<i>Flickingeria ritaeana</i> (King & Pantl.) Hawkes	Lan bông		VU	TĐ
30.	<i>Hygrochilus parishii</i> (Reichenb.f.) Pfitz.	Da báo		VU	TĐ
31.	<i>Liparis</i> spp				TĐ
32.	<i>Oberonia</i> sp	Móng rùa			TN
33.	<i>Paphiopedilum appletonianum</i> (Gower.) Rolfe.	Hài táo	R IA		TN
34.	<i>Paphiopedilum concolor</i> (Lindl.) Pfitz.	Hài vàng	IA		TN
35.	<i>Paphiopedilum dianthum</i>	Hài râu	IA		TN
36.	<i>Paphiopedilum emersonii</i>	Hài trắng	IA		TN
37.	<i>Paphiopedilum grantrixianum</i> (Sander x Mast.) Guill.	Hài Tam Đảo	IA		TĐ
38.	<i>Paphiopedilum hangianum</i>	Hài hương, Hài hăng	IA		TN
39.	<i>Paphiopedilum helenae</i> Aver.	Hài Helene	IA		TN
40.	<i>Paphiopedilum hirsutissimum</i> (Lindl.) Stein.	Hài lông tím	T IA		TN
41.	<i>Paphiopedilum malipoense</i> S.C.Chen & Z.H.Tsi.	Hài malipo	IA		TN
42.	<i>Paphiopedilum micranthum</i>	Hài mốc	IA		TN
43.	<i>Paphiopedilum purpuratum</i> (Lindl.) Stein.	Hài tía	IA		TN
44.	<i>Phaius mishmensis</i> (Lindl. ex Paxt.) Reichenb. f.	Hạc đỉnh		VU	TĐ
45.	<i>Phaius tankervilleae</i> (Banks ex L'He'r.) Blume.	Hạc đỉnh đỏ			TN
46.	<i>Phalaenopsis mannii</i> Reichb.f.	Bướm mam			TN, GT
47.	<i>Phalaenopsis</i> sp.	Lan bướm			TN, GT
48.	<i>Renanthera citrina</i> Aver.	Huyết nhung vàng			TN
49.	<i>Renanthera coccinea</i> Lour.	Huyết nhung			TN
50.	<i>Rhynchostylis gigantea</i> (Lindl.) Ridl.	Tai trâu			TN
51.	<i>Rhynchostylis retusa</i> (L.) Bl.	Đuôi cáo			TN
52.	<i>Thunia alba</i> (Lindl.) Reichenb. f.	Hạc đỉnh		EN	TĐ
53.	<i>Vanda concolor</i> Blume.	Vanda, Huệ đà			TN
54.	<i>Vandopsis gigantea</i> (Lindl.) Pfitz.	Huệ đồng			TN

Ghi chú: SĐVN- Sách đỏ Việt Nam, 1996: R- Hiếm, T- Bị đe dọa. NĐ 48- Nghị Định 48/2002/NĐCP: IA- Nghiêm cấm khai thác, sử dụng. IUCN, 2003- Danh lục đỏ IUCN 2003:

EN- Ngụy cấp, VU- Sẻ ngụy cấp, LR- ngụy cơ thấp. Nguồn gốc: TD- khu vực VQG Tam Đảo, TN- Khai thác từ thiên nhiên, GT- Gây trồng do nuôi cấy mô.

3.6. MỘT SỐ NHẬN XÉT LIÊN QUAN ĐẾN NUÔI TRỒNG LAN

- *Qui mô nuôi trồng và nguồn lan giống*

Hầu hết các gia đình nuôi trồng Lan tại Thị trấn Tam Đảo có quy mô không lớn, ban đầu họ chỉ có một vài loài làm cảnh. Sau đó họ sưu tầm thêm nhiều loài lan khác như thu, mua, đồng thời cũng nhân giống bằng phương pháp thủ công như tách mầm. Các loài này có nguồn gốc phân bố tại khu vực VQG Tam Đảo và một số từ các vùng khác. Các gia đình nuôi trồng lan này thường có thời gian nuôi trồng từ rất lâu, và số lượng cá thể lan đã lên tới hàng trăm, số lượng loài là từ 10 đến 20 loài.

Ở các trại nuôi Lan với qui mô vừa như cơ sở Hoàng Long, Công ty CPKSDLCD Núi Cốc tại khu du lịch Hồ Núi Cốc thì nguồn Lan chủ yếu được cung cấp thông qua thu mua. Các loài lan ở đây bị khai thác từ thiên nhiên như ở Tam Đảo, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Sa Pa... Sau khi được trưng bày ở đây, họ bán cho khách du lịch là chủ yếu.

Tại Cung Đệ nhất Phong Lan, Trại Lan của Viện Di Truyền Nông Nghiệp tại thị trấn Tam Đảo thì đại đa số lan được trồng có nguồn gốc giống là Lan lai nhân giống nhân tạo (nuôi cấy mô, uơm mầm) hay nhập ngoại. Tuy nhiên cũng có khoảng 10-15 loài lan rừng với số lượng vài chục đến vài trăm cá thể cũng được trồng ở đây và mục đích cơ bản là kinh doanh.

- *Điều kiện và kỹ thuật nuôi trồng*

Hầu hết các gia đình đều trồng lan dưới tán cây hoặc treo dưới các dàn làm bằng tre gỗ. Diện tích khu nuôi thường không lớn (20-50m²) bố trí lộn xộn, điều kiện chăm sóc (nước tưới, phân) thiếu nên lan kém phát triển, dễ chết, hoặc chất lượng kém.

Cơ sở nuôi Hoàng Lan ở Khu du lịch Núi Cốc tuy có số lượng lan kinh doanh tương đối nhiều nhưng điều kiện chăm sóc lại rất kém và chủ nuôi không biết kỹ thuật nên nếu lan không được bán ngay thì chỉ sau một thời gian ngắn chúng sẽ bị chết.

Tại 2 cơ sở nuôi trồng lan với quy mô lớn hơn là Cung Đệ nhất Phong Lan, Trại Lan của Viện Di Truyền Nông Nghiệp tại thị trấn Tam Đảo, thì điều kiện nuôi và kỹ thuật nuôi tốt hơn nhiều. Tại đây, lan được nuôi trong nhà lưới, được chăm sóc cẩn thận. Tại đây đã áp dụng kỹ thuật nuôi cấy mô để nhân giống lan.

- *Mục đích nuôi trồng*

Mục tiêu nuôi trồng chủ yếu là kinh doanh, hoặc kết hợp chơi cảnh với kinh doanh, riêng Trại lan của Viện Di Truyền Nông Nghiệp có cả mục tiêu nghiên cứu.

- *Mức độ thu nhập từ nuôi trồng kinh doanh lan*

Cung Đệ nhất Phong Lan và Trại Lan của Viện Di Truyền Nông Nghiệp: tại 2 cơ sở này thì việc nuôi trồng lan với mục đích cơ bản là kinh doanh. Họ cũng có đầu tư khoa học kỹ thuật và cơ sở hạ tầng, tuy nhiên nguồn lợi kinh tế cũng không nhiều do quy mô còn nhỏ và số lượng loài có giá trị kinh tế ít.

Đối với các hộ nuôi trồng lan với mục đích kinh doanh khác thì thu nhập mang lại cũng thấp, chỉ là bổ sung cho thu nhập của gia đình. Hầu hết các hộ nuôi trồng lan đều xuất phát từ sở thích cá nhân, sau đó là do nhu cầu thị trường. Tuy nhiên nhu cầu thị trường không cao vì chỉ có khách du lịch mua vào dịp hè, mà số lượng khách du lịch vào thời kỳ cao điểm nhất cũng không nhiều. Thêm nữa, sản phẩm bán ra chưa có chất lượng cao, giá trị về thẩm mỹ còn thấp. Tuy nhiên số lượng các hộ nuôi lan nhiều là vì điều kiện nuôi trồng ở đây thuận lợi, nguồn cây giống rẻ, dễ mua, lại có thể kết hợp giữa vui chơi giải trí với kinh doanh thêm thu nhập cho gia đình.

- *Tình trạng kinh tế các hộ nuôi trồng lan kinh doanh*

Nhìn chung, các hộ nuôi trồng lan kinh doanh đều có thu nhập ổn định từ các hoạt động sản xuất khác, nguồn thu nhập từ kinh doanh lan chưa lớn, chỉ là bổ sung thêm.

- *Nguồn thu nhập thay thế nếu ngăn cấm nuôi trồng lan*

Do nguồn thu nhập hiện nay từ lan không chiếm tỷ trọng lớn trong thu nhập của các gia đình nuôi trồng lan kinh doanh. Do vậy, nếu cấm không cho trồng lan thì cũng ít ảnh hưởng đến đời sống của các hộ gia đình này. Tuy nhiên, không nên ngăn cấm hoàn toàn việc nuôi trồng lan kinh doanh vì đó là một hoạt động khó có thể cấm tại các trung tâm du lịch. Vấn đề là phải kiểm soát tốt để hộ các kinh doanh các loài lan khai thác trực tiếp từ thiên nhiên.

- *Nhu cầu thị trường về lan*

Hiện nay nhu cầu thị trường về lan ở VQG Tam Đảo và Khu du lịch Núi Cốc không lớn do lượng khách đến tham quan chưa nhiều. Hơn nữa, lan chưa có chất lượng tốt thu hút người mua và rất dễ chết khi mang về nuôi. Tuy nhiên, với sự phát triển của số lượng khách du lịch đến tham quan và đời sống người dân ngày một nâng cao thì nhu cầu thị trường về lan sẽ ngày một tăng.

- *Nhận thức về luật pháp bảo tồn đa dạng sinh học*

Ngoại trừ 2 cơ sở lớn là Cung Đệ nhất Phong Lan và Trại Lan của Viện Di Truyền Nông Nghiệp, thì các hộ gia đình nuôi trồng kinh doanh lan đều không có giấy phép kinh doanh mặt hàng này. Tất cả các cơ sở nuôi lan không nhận thức rằng đang mình vi phạm Nghị định 48/2002/NĐCP của Chính phủ. Các kiểm lâm viên chưa phân biệt được hết các loài lan có nguồn gốc thiên nhiên và lan nhân giống nhân tạo, mặc dù họ ý thức được rằng việc khai thác và trồng lan kinh doanh là vi phạm pháp luật. Hơn nữa, hầu hết các vườn lan đều là tư nhân và có qui mô nhỏ; nhiều hộ nuôi trồng lan trong vườn của mình, lực lượng kiểm lâm hiện nay không đủ để kiểm tra thường xuyên tất cả các hộ này.

4. KIẾN NGHỊ CÁC GIẢI PHÁP KIỂM SOÁT

4.1. Kiểm soát nuôi nhốt kinh doanh động vật hoang dã

- *Về quản lý gấu nuôi*

Chủ trương của Bộ NN & PTNT về quản lý số gấu đang bị nuôi trên toàn quốc là: “Kiểm kê toàn bộ số gấu đang nuôi nhốt tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đánh dấu số gấu đã kiểm kê bằng chip điện tử và lập hồ sơ quản lý cho từng con gấu đã kiểm kê. Số gấu đã đăng ký được giao lại cho các chủ nuôi gấu để các chủ nuôi gấu có trách nhiệm tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến hết đời nó. Các chủ nuôi gấu phải có cam kết giữ nguyên số lượng gấu đã đăng ký, chấm dứt việc mua bán, trao đổi gấu và các sản phẩm của gấu, bảo đảm điều kiện về chăm sóc, chuồng trại nuôi phù hợp và giữ về sinh môi trường”. (Trích Công văn số 741/BNN-KL ngày 13 tháng 4 năm 2004 của Bộ NN và PTNT gửi Thủ tướng Chính Phủ về phương án xử lý gấu nuôi nhốt tại Việt Nam).

Trước mắt, để quản lý việc nuôi gấu ở vùng đệm VQG Tam Đảo, VQG Tam Đảo cần phối hợp với Chi cục Kiểm lâm các tỉnh Vĩnh Phúc, Thái Nguyên và Tuyên Quang tiến hành các công việc sau:

- Tuyên truyền, giáo dục các hộ nuôi gấu về nguy cơ tuyệt chủng của gấu trong thiên nhiên và các quy định của Nhà Nước về bảo tồn gấu.
- Chi cục kiểm lâm tiến hành kiểm kê lập hồ sơ số gấu nuôi, đánh dấu tai từng con, chụp ảnh từng con, chụp ảnh chuồng nuôi và chủ nuôi.
- Yêu cầu các hộ nuôi ký cam kết không tiếp tục mua gấu về nuôi, đồng thời cải thiện điều kiện nuôi và chăm sóc gấu (mở rộng chuồng nuôi, đảm bảo chế độ ăn, về sinh chuồng trại). Trường hợp đột xuất như gấu ốm, chết,... phải báo cáo ngay cho Hạt/Chi cục kiểm lâm sở tại để lập biên bản xác nhận xử lý. Trường hợp không báo coi như chủ nuôi đã bán gấu trái phép và chịu xử phạt theo luật hiện hành.
- Do các chủ nuôi phải chi phí thức ăn và chăm sóc gấu nên có thể cho phép họ khai thác mật với số lượng hạn chế, có thể là 2 lần một năm, mỗi lần khoảng 50CC. Lực lượng kiểm lâm địa phương cần có biện pháp kiểm soát tốt việc hút mật, như thường xuyên kiểm tra, tham gia trực tiếp các lần hút mật để kiểm soát số lượng mật hút, có qui chế phạt nặng các trường hợp vi phạm.
- Các Hạt kiểm lâm thường xuyên kiểm tra (ít nhất 3 tháng một lần) việc thực hiện cam kết của các hộ, kịp thời xử lý và xử lý nghiêm các hộ vi phạm.
- Trong trường hợp có chủ nuôi muốn trả lại gấu cho Chi cục kiểm lâm thì Chi cục kiểm lâm báo cáo lên Cục kiểm lâm để làm thủ tục xử lý thích hợp (chuyển về Trung tâm cứu hộ, chuyển cho vườn thú, cơ sở nghiên cứu hoặc thú tiêu).
- *Đối với Công viên cá sấu (Công ty cổ phần công đoàn Khu du lịch Hồ Núi Cốc)*
 - Chi cục kiểm lâm Thái Nguyên cần kiểm tra lại giấy phép kinh doanh nuôi động vật hoang dã của Công ty. Nếu không có giấy phép hợp lệ, thì tịch thu ngay số động vật hoang dã và chuyển cho Trung tâm cứu hộ Sóc Sơn để xử lý.

- Chi cục kiểm lâm Thái Nguyên tiến hành kiểm kê số lượng và danh sách các loài động vật hoang dã được nuôi tại Công viên, yêu cầu Công ty tiếp tục nuôi dưỡng.
- Yêu cầu Công ty định kỳ (6 tháng lần) gửi báo cáo đến Chi cục kiểm lâm thông báo danh sách và số lượng động vật hoang dã nhập về (kèm theo hồ sơ nguồn gốc), danh sách và số lượng động vật bị chết, danh sách và số lượng động vật hiện còn. Các trường hợp động vật chết phải báo cho kiểm lâm địa phương đến xác nhận và lập biên bản xử lý.
- Yêu cầu Công ty không được tự ý mua động vật hoang dã của thợ săn hoặc thị trường ngoài về nuôi. Trường hợp cần bổ sung động vật có thể liên hệ với Trung tâm cứu hộ Sóc Sơn, Vườn thú Hà Nội, hoặc các cơ sở nhân nuôi động vật hoang dã đã đăng ký để mua.
- Yêu cầu Công ty cải tạo điều kiện chuồng nuôi, cử cán bộ đi học tập kỹ thuật nuôi động vật hoang dã tại các Vườn thú trong nước, bổ sung cán bộ thú y và phương tiện chữa trị cho động vật. Công ty có thể liên hệ với Vườn thú Hà Nội hoặc Thảo cầm viên Sài Gòn để được tư vấn về các yêu cầu kỹ thuật cần thiết.
- Chi cục kiểm lâm cần thường xuyên kiểm tra theo dõi hoạt động nhập và nuôi động vật hoang dã của Công ty và xử phạt nghiêm khi vi phạm.
- *Đối với gia đình đang nuôi động vật hoang dã*

- Kiểm lâm VQG Tam Đảo hoặc các huyện vùng đệm tiến hành kiểm kê tất cả các gia đình nuôi động vật hoang dã trong vùng, lập biên bản tịch thu các cá thể của các loài thuộc Nghị Định 48/2002/NĐCP thả vào rừng hoặc chuyển về Trung tâm cứu hộ Sóc Sơn.

Đối với các gia đình nuôi vui chơi giải trí thì giao cho các hộ tiếp tục nuôi dưỡng nhưng không được bán và phải cải thiện điều kiện nuôi. Trường hợp động vật bị chết phải báo cho kiểm lâm địa phương đến xác nhận. Không được tiếp tục tiếp nhận động vật hoang dã về nuôi. Nếu các gia đình có nguyện vọng trả lại thì Chi cục kiểm lâm phối hợp với Trung Tâm cứu hộ Sóc Sơn để tiếp nhận và xử lý.

Đối với các gia đình nuôi kinh doanh, yêu cầu phải đăng ký kinh doanh và chỉ sử dụng nguồn con giống từ các cơ sở nhân nuôi chính thức, nếu không thì tịch thu tất cả các loài động vật (có nguồn gốc từ thiên nhiên) đang bị nguy cơ diệt vong (có tên trong Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ IUCN) chuyển cho Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã Sóc Sơn để xử lý. Các loài khác có thể giao cho các gia đình tiếp tục nuôi nhưng phải cam kết không được bán và không tiếp tục tiếp nhận động vật hoang dã về nuôi. Trường hợp động vật chết phải báo cho Kiểm lâm địa phương để lập biên bản xác nhận.

- Cho phép các hộ nhân nuôi sinh sản các động vật hoang dã thông thường nhưng có nguồn gốc từ các cơ sở nhân nuôi chính thức, không được thu mua động vật săn bắt từ thiên nhiên về nuôi và phải đăng kí với Chi cục kiểm lâm địa phương.
- *Bảo vệ vườn chim nhà ông Thành (xã Đạo Trù).*

Do vườn chim nằm rất gần với VQG Tam Đảo nên cần được bảo vệ như những động vật hoang dã của VQG Tam Đảo. VQG Tam Đảo cần thoả thuận với gia đình ông Thành về bảo vệ vườn chim này (không cho người khác quấy phá, không tự bắt chim ăn thịt hoặc bán) và nên có sự

động viên khuyến khích vật chất nhất định đối với gia đình ông (hỗ trợ kinh phí, việc làm,...). Trạm kiểm lâm Đạo Trù cần giúp đỡ và giám sát việc bảo vệ vườn chim này.

- *Về nâng cao nhận thức:*

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân vùng đệm về các quy chế bảo vệ rừng và động vật hoang dã thông qua biên soạn in ấn tờ rơi hoặc sách nhỏ, giới thiệu các mục tiêu, qui chế bảo tồn của VQG Tam Đảo; nn ấn áp phích giới thiệu một số loài động vật quý hiếm thường bị săn bắt, sử dụng buôn bán ở vùng đệm VQG Tam Đảo với lời khuyến cáo về bảo tồn chúng và phân phát cho các hộ sống ở Vùng đệm và Thị trấn Tam Đảo.
- Tập huấn cho các kiểm lâm viên VQG Tam Đảo và các huyện vùng đệm về nhận diện các loài động vật quý hiếm vùng Tam Đảo, kiến thức bảo tồn động vật hoang dã và các văn bản luật pháp quốc gia về bảo tồn động vật hoang dã và đa dạng sinh học nói chung.

4.2. Kiểm soát khai thác nuôi trồng và kinh doanh lan

- Thị trấn Tam Đảo có điều kiện khí hậu và độ cao rất phù hợp với lan, do đó việc nuôi trồng lan có rất nhiều thuận lợi. Trong nhiều năm qua số lượng cá thể cũng như số lượng loài lan giảm đáng kể trong tự nhiên. Vì vậy, nên khuyến khích nuôi trồng Lan từ nguồn giống nhân tạo, đặc biệt là tạo giống bằng nuôi cấy mô. Tuy nhiên, nghiêm cấm các cơ sở khai thác, trồng và kinh doanh các loài Lan có nguồn gốc hoang dại (khai thác từ VQG Tam Đảo hoặc từ các vùng khác).
- Hạt kiểm lâm VQG Tam Đảo phối hợp với Chi cục kiểm lâm và Hạt kiểm lâm các tỉnh, huyện vùng đệm tổng kiểm kê tất cả các cơ sở nuôi trồng lan trong khu vực. Đặc biệt, chú ý thống kê các loài lan có nguồn gốc từ thiên nhiên và xây dựng hồ sơ giám sát quản lý lan nuôi trồng trong vùng.
- Đối với các loài lan có nguồn gốc từ thiên nhiên hiện đang nuôi trồng tại các cơ sở trong vùng có thể giải quyết theo 2 hướng sau: 1). Yêu cầu các cơ sở tiếp bảo quản nuôi dưỡng số lan này và không được bán đi nơi khác, hoặc 2). Tịch thu và chuyển vào nuôi trồng tại một cơ sở nhất định để cứu hộ và nghiên cứu (có thể là Trại lan của Viện Di Truyền Nông Nghiệp tại Thị trấn Tam Đảo, hoặc VQG Tam Đảo xây dựng một Trại cứu hộ lan để tiếp nhận cứu hộ số lan này). Cần xây dựng thỏa thuận với các cơ sở này về nghiên cứu nhân giống các loài lan hoang dã.
- Riêng loài Lan hài tam đảo *Paphiopedilum grantrixianum* là loài đặc hữu rất hẹp ở Tam Đảo, và được luật pháp nghiêm cấm khai thác, sử dụng (Nhóm IA, Nghị định 48/2002/NĐCP) nên cần tịch thu tất cả các dò lan loài này hiện có trong các cơ sở nuôi và chuyển cho cơ sở nghiên cứu nhân giống chúng (trước mắt có thể là Trại lan của Viện Di Truyền Nông Nghiệp tại Thị trấn Tam Đảo).
- Yêu cầu các cơ sở nuôi Lan đăng ký với cơ quan có thẩm quyền (Chi cục kiểm lâm và Chính quyền địa phương). Chỉ được phép nuôi lan có nguồn gốc nhân giống nhân tạo, cơ sở nuôi lan phải có đầu tư cơ sở hạ tầng tối thiểu như vườn nuôi phải thông thoáng, hệ thống tưới nước đảm bảo và phải biết kỹ thuật nuôi trồng tối thiểu; tuyệt đối không được khai thác nguồn thức ăn hay giá thể nuôi Lan từ rừng Tam Đảo như: các loài Dương xỉ thân gỗ, thân cây gỗ khai thác từ rừng.

- Hạt kiểm lâm VQG Tam Đảo và các hạt kiểm các huyện vùng đệm thường xuyên kiểm tra các cơ sở nuôi trồng lan trong địa phận của mình và xử phạt nghiêm các trường hợp vi phạm. Để giảm tải công việc các hạt kiểm lâm có thể phối hợp với các tổ chức xã hội như Hội Nông Dân, Hội Cựu Chiến Binh,... để thực hiện công tác kiểm soát.
- Thành lập “Hội Bảo Tồn Lan Tam Đảo” dưới sự bảo trợ của VQG Tam Đảo nhằm liên kết các cơ sở nuôi lan và những người chơi lan với mục đích cơ bản là bảo vệ các loài lan Tam Đảo. Tuyên truyền kiến thức về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và các luật pháp liên quan, hỗ trợ nhau về kỹ thuật nuôi lan.
- Đối với 2 cơ sở nuôi trồng lan tại khu du lịch Hồ Núi Cốc: Nếu tiếp tục nuôi trồng lan thì ngoài các điều kiện nói trên, cần phải đầu tư cơ sở như trại nuôi trồng, phải học thêm về kỹ thuật, và phải có người đứng ra quản lý số lan đó. Nếu 2 cơ sở này không có khả năng tiếp tục nuôi trồng thì tịch thu số lan đó đem về cứu hộ tại VQG Tam Đảo.
- Khuyến khích 2 cơ sở nuôi lan lớn ở Thị trấn Tam Đảo là Đệ nhất Phong Lan và Trại lan của Viện Di Truyền Nông Nghiệp tiến hành các nghiên cứu nhân giống nhân tạo các loài lan hoang dã, đặc biệt là lan của VQG Tam Đảo.
- Tổ chức khoá tập huấn cho cán bộ và kiểm lâm VQG Tam Đảo và các Hạt Kiểm Lâm vùng đệm về kiến thức nhận dạng, bảo tồn và yêu cầu kỹ thuật nuôi trồng lan.
- Biên soạn sổ tay bảo tồn lan, bao gồm các kiến thức về nhận dạng, bảo tồn, luận pháp và những yêu cầu kỹ thuật tối thiểu nuôi trồng lan, phát cho cán bộ kiểm lâm trong vùng làm tài liệu tham khảo.
- Xây dựng tờ rơi hoặc áp phích giới thiệu 11 lan của VQG Tam Đảo (số 33-43 trong bảng 8) hiện đang bị khai thác nuôi trồng và lời khuyến cáo về bảo tồn chúng.

Tài liệu tham khảo

1. Averyanov L. & A. Averyanova, 2003. Updated Checklist of the Orchids of Vietnam. 99 pp. Vietnam National University Publishing house- Hanoi.
2. Averyanov, L., P. Cribb, Phan Ke Loc, Nguyen Tien Hiep. 2003. The Slipper Orchids of Vietnam. The Royal Botanic Gardens, Kew, 308 pp. (Vietnamese version printed and published in Hanoi by Birdlife International, 2004).
3. Bộ Khoa học và Công nghệ môi trường, 1996. Sách Đỏ Việt Nam- Phần Thực vật. 484 pp. NXB Khoa học và Kỹ thuật
4. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, 2000. Sách Đỏ Việt Nam (Phần động vật). Nxb KH và KT, Hà Nội, 408 trang.
5. Đặng Huy Huỳnh (chủ biên), 1994. Danh lục các loài thú (Mammalia) Việt Nam. Nxb KH và KT, Hà Nội, 162 trang.
6. IUCN, 2003. IUCN Red List of Threatened Species. CD data.
7. Nghị định 48/2002/NĐ-CP ký ngày 22/4/2002 của Chính Phủ. Sửa đổi, bổ sung danh mục thực vật, động vật hoang dã quý hiếm ban hành theo Nghị định 18/HĐBT ngày 17/01/1992 của Hội Đồng Bộ Trưởng quy định danh mục thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm và chế độ quản lý, bảo vệ.
8. Nguyễn Văn Sáng, Trương Văn Lã, Lê Xuân Huệ, 1997. Đánh giá hiện trạng nguồn lợi động vật Vườn Quốc Gia Tam Đảo. Báo cáo điều tra.
9. Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây cỏ Việt Nam 3: 760- 968, NXB Trẻ.